

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2022/DSPT

Ngày: 25/5/2022

V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

***- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Trường.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Tính.

Ông Nguyễn Thanh Bình.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Ngô Thị Thu Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa:*** Bà Thân Thanh Huyền - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2022/TLPT-DS ngày 01/3/2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 01/2022/DSST, ngày 05/01/2022 của Tòa án nhân dân huyện Thuận Thành bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 64/2022/QĐ-PT, ngày 12/4/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh, giữa các đương sự:

***- Nguyên đơn:*** Bà Trịnh Thị T, sinh năm 1968 (có mặt).

Địa chỉ: Số 58, đường B, thị trấn G, huyện G, tỉnh Bắc Ninh.

***- Bị đơn:*** Ông Nguyễn Thế T, sinh năm 1955 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn N, xã A, huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Đặng Thị H, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Số 170, N, phường S, thành phố Bắc Ninh, tỉnh Bắc Ninh (có mặt)

***Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*** Anh Nguyễn Thế Q, sinh năm 1978

(vắng mặt).

Địa chỉ: Số 1710, CT2A, khu đô thị N, phường C 1, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Thế Q: Chị Nguyễn Thanh H, sinh năm 1983 (có mặt)

Địa chỉ: P2310G4 Chung cư Five Star Garden, số 2 K, phường K, Thanh Xuân, Hà Nội.

*Người có kháng cáo:* Ông Nguyễn Thế T, anh Nguyễn Thế Q.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

*Nguyên đơn là bà Trịnh Thị T trình bày:* Bà và vợ chồng ông Nguyễn Thế T có mối quan hệ quen biết nhau từ trước nên ngày 16/4/2012 (dương lịch) bà có cho ông T vay số tiền 320.000.000 đồng. Khi vay ông T có ký giấy biên nhận, trong giấy biên nhận hai bên không ghi thời hạn vay và mức lãi suất nhưng bà và ông T có thỏa thuận miệng với nhau là khi nào bà cần tiền thì báo trước ông T sẽ thu xếp trả và mức lãi suất thì ông T sẽ trả bà là 1,5%/1 tháng. Sau khi vay tiền của bà, ông T đã trả bà được khoảng vài tháng tiền lãi, tuy nhiên do thời gian đã lâu nên bà cũng không nhớ cụ thể thời gian cũng như số tiền lãi ông T đã trả vì khi ông T trả bà tiền lãi thì hai bên không viết giấy tờ gì. Số tiền 320.000.000 đồng mà bà cho ông T vay là tiền riêng của bà, không liên quan gì đến chồng bà. Khi bà giao số tiền 320.000.000 đồng cho ông T vay, có mặt vợ chồng con gái ông T là chị Nguyễn Thị Q chứng kiến nên bà yêu cầu chị Q ký làm chứng. Vì vậy, trong giấy biên nhận vay tiền có chữ ký của chị Q ký ở dưới chữ ký của ông T. Tuy nhiên, bà xác nhận ông T là người vay tiền của bà, chị Q chỉ ký làm chứng. (Bà được biết chị Q đã mất khoảng 2-3 năm nay, còn chồng chị Q thì bà không nhớ tên).

Từ khoảng cuối năm 2012 đến nay, do cần tiền nên bà đã đến nhà ông T rất nhiều lần để đòi lại số tiền ông T đã vay của bà nhưng ông T cứ khất lần không trả. Trong quá trình làm việc tại Tòa án, bà T không yêu cầu Tòa áp dụng thời hiệu.

Nay bà đề nghị Tòa án buộc ông T phải trả bà số tiền gốc là 320.000.000 đồng, bà không yêu cầu ông T phải trả lãi đối với số tiền này.

*Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Đặng Thị H trình bày:* Vào tối ngày 16/4/2012 (dương lịch) con trai ông Nguyễn Thế T là anh Nguyễn Thế Q có gọi điện cho ông T nhờ ông T nhận hộ số tiền 320.000.000 đồng từ bà Trịnh Thị T, số tiền này là anh Quyết hỏi vay của bà T. Khi ông T nhận tiền, bà T có yêu cầu

ông T ký vào một tờ giấy. Khi đó trời tối, bà T cũng chỉ nói là ký vào giấy nhận tiền nên ông T không đọc mà ký luôn vào tờ giấy này (nay ông T mới biết là Giấy biên nhận vay tiền). Chữ viết trong phần nội dung Giấy biên nhận vay tiền này không phải do ông T viết. Do số tiền nêu trên ông T không vay của bà T nên một thời gian dài bà T cũng không đòi ông T. Đến nay, ông T có hỏi anh Quyết về số tiền nợ này, anh Quyết khẳng định đã trả toàn bộ số tiền này cho bà T rồi và anh Quyết trả số tiền trên thành nhiều lần, có lần chuyển khoản qua ngân hàng và trả trực tiếp vào ngày 03/2/2019 là 210.000.000 đồng và ngày 25/12/2019 là 38.000.000 đồng.

Bà Hằng xác nhận chữ ký tại phần “Người vay tiền” trong Giấy biên nhận vay tiền mà bà T xuất trình tại Tòa án đúng là chữ ký của ông T.

Đối với chữ ký và chữ viết Nguyễn Thị Q ở dưới chữ ký của ông T tại mục “Người vay tiền” trong Giấy biên nhận mà bà T xuất trình tại Tòa án là con gái của ông T. Tuy nhiên, chị Q đã mất khoảng vài năm nay. Bà Hằng khẳng định chị Q không vay số tiền này mà bà T chỉ bảo chị Q ký cùng ông T. Việc bà T trình bày chị Q ký làm chứng việc ông T vay tiền của bà T là không đúng. Ông T không yêu cầu chị Nguyễn Thị Q liên quan đến số tiền 320.000.000 đồng vay của bà T theo giấy biên nhận ngày 16/4/2012. Bà Hằng đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu.

Nay bà T khởi kiện đòi tiền ông T, ông T không đồng ý vì ông không vay tiền của bà T mà số tiền nêu trên là ông T nhận hộ con trai ông là Nguyễn Văn Quyết.

*Người đại diện theo ủy quyền của anh Nguyễn Thế Q là chị Nguyễn Thanh H trình bày:* Ngày 16/4/2012, anh Quyết có vay của bà T số tiền 320.000.000 đồng nhưng do lúc đó anh Quyết không có nhà nên anh Quyết có gọi điện nhờ ông Nguyễn Thế T (là bố anh Quyết) đứng ra nhận hộ anh Quyết số tiền này. Bà T đã yêu cầu ông T viết giấy biên nhận vay số tiền này của bà T. Sau khi vay tiền của bà T, từ năm 2014 đến năm 2019 anh Quyết đã trả cho bà T hết số tiền nợ này. Cụ thể: Từ năm 2014 đến năm 2016, anh Quyết chuyển đến số tài khoản 0107662664 của bà T tại Ngân hàng Đông Á tổng số tiền là 72.022.000 đồng; Ngày 03/2/2019 anh Quyết trả bà T 210.000.000 đồng và ngày 25/12/2019 là 38.000.000 đồng (02 lần trả này bà T đã viết và ký giấy biên nhận tiền của anh Quyết). Chị Hiền đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của bà T.

Từ nội dung trên, bản án sơ thẩm căn cứ Điều 471, 474, 476, 477 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 468, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị T.

Buộc ông Nguyễn Thế T phải trả bà Trịnh Thị T số tiền 320.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 17/01/2022, bị đơn là ông Nguyễn Thế T (do bà Đặng Thị H đại diện theo ủy quyền) và anh Nguyễn Thế Q kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, nguyên đơn là bà Trịnh Thị T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; ông Nguyễn Thế T và anh Nguyễn Thế Q vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Hằng cho rằng số tiền ông T nhận của bà T chỉ là nhận thay anh Quyết con trai ông T thể hiện ở việc anh Quyết đã trả cho bà T tổng số tiền là 586.000.000đ qua chuyển khoản và tiền mặt. Vì anh Quyết chỉ vay bà T 500.000.000đ nếu không phải trả cho cả khoản 320.000.000đ thì sao anh Quyết lại chuyển khoản nhiều hơn số tiền 500.000.000đ anh Quyết đã vay của bà T.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan nhất trí với ý kiến của bà Hằng và không bổ sung gì thêm.

Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến trước khi nghị án là đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, xử: không chấp nhận kháng cáo của ông T và anh Quyết, sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí, miễn án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Thế T.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của ông Nguyễn Thế T (do bà Đặng Thị H đại diện theo ủy quyền) và anh Nguyễn Thế Q nộp trong hạn luật định đã thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng nên được xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm, nguyên đơn không đề nghị áp dụng thời hiệu, bị đơn đề nghị áp dụng thời hiệu để giải quyết vụ án, nhưng xét đây là hợp đồng vay tài sản không thời hạn, không lãi suất, theo quy định tại Điều 469 Bộ luật dân sự năm 2015, thời hiệu được tính từ ngày nhận đơn khởi kiện; do vậy bản án sơ thẩm xác định thời hiệu khởi kiện kể từ ngày bà T nộp đơn khởi kiện (ngày 26/4/2021) là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Ngày 16/4/2012, giữa bà Trịnh Thị T với ông Nguyễn Thế T có ký một giấy biên nhận vay tiền. Theo nội dung trong giấy biên nhận đã thể hiện ông T có vay của bà T số tiền 320.000.000đ. Trong giấy biên nhận vay tiền không ghi thời hạn trả nợ cũng như lãi suất. Theo nguyên đơn trình bày trong giấy biên nhận vay tiền không ghi lãi suất nhưng hai bên có thỏa thuận miệng với nhau lãi suất là 1,5%/tháng. Sau khi vay tiền của bà T, phía bà T cho rằng ông T đã trả bà T được khoảng vài tháng tiền lãi nhưng sau đó ông T không trả nữa. Ông T trả tiền lãi bà vào thời gian nào và số tiền bao nhiêu bà không nhớ vì bà không viết vào giấy. Phía bị đơn do bà Hằng là người đại diện theo ủy quyền không thừa nhận có việc ông T vay tiền bà T mà chỉ là ông T nhận tiền hộ anh Nguyễn Thế Q là con trai ông T. Tuy nhiên, phía bị đơn cũng như người đại diện theo ủy quyền của bị đơn không đưa ra được chứng cứ nào chứng minh là ông T nhận số tiền 320.000.000đ hộ anh Quyết. Hơn nữa, thời điểm ký vào giấy biên nhận tiền, ông T là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ nên ông T phải chịu trách nhiệm với việc làm của mình. Do vậy, bà T khởi kiện yêu cầu buộc ông T phải trả bà số tiền vay 320.000.000đ và không yêu cầu lãi suất là có căn cứ chấp nhận.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn là ông Nguyễn Thế T (do bà Đặng Thị H đại diện theo ủy quyền) và anh Nguyễn Thế Q kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm với lý do: Toàn bộ số tiền 320.000.000 đồng ông T nhận từ bà T đã được anh Quyết trả cho bà T đầy đủ.

Xét kháng cáo của ông T và anh Quyết, Hội đồng xét xử thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án cũng như tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, phía bị đơn do bà Đặng Thị H đại diện theo ủy quyền và anh Nguyễn Thế Q đều xác nhận chữ ký dưới phần “Người vay tiền” trong Giấy biên nhận vay tiền đúng là chữ ký của ông T. Ông T đã nhận khoản tiền 320.000.000 đồng của bà T. Vì vậy, hợp đồng vay tiền ngày 16/4/2012 giữa bà T và ông T là có thật, bà T và ông T đã tiến hành giao nhận đủ tiền theo giấy biên nhận vay tiền ngày 16/4/2012, hợp đồng đã được thực hiện theo đúng quy định pháp luật.

Phía bà HĂNG và anh Quyết cho rằng thực tế ông T không vay bà T mà ông T chỉ nhận hộ cho con trai là anh Nguyễn Thế Q số tiền này, đến nay anh Quyết đã trả cho bà T đầy đủ. Phía nguyên đơn là bà Trịnh Thị T xác nhận anh Quyết trước đây đã nhiều lần vay tiền của bà. Bà xác nhận anh Quyết có chuyển tiền đến số tài khoản 0107662664 tại Ngân hàng Đông Á của bà, nhưng bà khẳng định đây là số tiền anh Quyết trả cho các khoản vay của anh Quyết chứ không phải trả cho khoản vay 320 triệu đồng của ông T.

Tại giai đoạn xét xử sơ thẩm và tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà HĂNG và người đại diện theo ủy quyền của anh Quyết là chị Hiền đưa ra các chứng cứ là bản sao kê tài khoản chuyển tiền từ năm 2014 đến năm 2019 và 02 giấy biên nhận tiền của anh Quyết do bà T viết ngày 03/02/2019 và ngày 25/12/2019 thể hiện anh Quyết đã chuyển trả bà T tổng số tiền 586.000.000đ. Tuy nhiên, không thể hiện nội dung việc chuyển tiền và nhận tiền là để trả nợ cho khoản vay 320.000.000 đồng giữa ông T và bà T. Ngoài ra, ông T và anh Quyết không đưa ra được chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình, vì vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông T và anh Quyết, nên cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đối với số tiền anh Quyết đã trả cho bà T thông qua tài khoản ngân hàng, nếu có căn cứ sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác khi anh Quyết có yêu cầu.

Về án phí: Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của ông T có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy, ông T là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên theo quy định tại Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH thì ông T được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 471, 474, 476, 477 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 468, 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 144, 147, 148, 158, 165 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của UBTVQH xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trịnh Thị T.

Buộc ông Nguyễn Thế T phải trả bà Trịnh Thị T Số tiền 320.000.000 đồng (Ba trăm hai mươi triệu đồng).

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, nếu bên phải thi án không tự giác chấp hành thì phải chịu lãi suất theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

## 2. Về án phí:

- Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm cho ông Nguyễn Thế T.

Trả lại ông Nguyễn Thế T 300.000đ tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0005430 ngày 10/02/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Thành.

Anh Nguyễn Thế Q phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Xác nhận anh Quyết đã nộp 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm tại biên lai thu số AA/2021/0005431 ngày 10/02/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Thành.

Hoàn trả bà Trịnh Thị T số tiền 8.000.000 đồng (Tám triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu số AA/2020/0003809 ngày 04/5/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thuận Thành.

Trường hợp bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND huyện Thuận Thành;
- Chi cục THADS huyện Thuận Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Nguyễn Trọng Trường**